

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Phục vụ buổi làm việc với Đoàn công tác của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG SAU HỢP NHẤT TỈNH

1. Hệ thống hạ tầng giao thông

a) Hệ thống giao thông đường bộ

Mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn có tổng chiều dài khoảng 8.955,40 km, gồm: tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ qua địa bàn tỉnh dài 12,50 km (Trung ương quản lý) và đường gom cao tốc dài 13,38 km (Tỉnh quản lý); 09 tuyến quốc lộ¹ kết nối liên vùng; 29 tuyến đường tỉnh² đóng vai trò trục giao thông quan trọng trong nội tỉnh. Bên cạnh đó, mạng lưới đường bộ do cấp xã, phường quản lý dài 7.247,2 km, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông cơ sở, phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Hệ thống giao thông đường thủy

Hệ thống giao thông đường thủy nội địa có tổng chiều dài khoảng 2.819,23 km. Trong đó, Trung ương quản lý đi qua địa bàn tỉnh 08 tuyến³ với tổng chiều dài khoảng 629,90 km; Tỉnh quản lý 65 tuyến sông, kênh, rạch với tổng chiều dài khoảng 643,01 km; hệ thống giao thông đường thủy phân cấp về cho xã quản lý dài 1.546,32 km.

Hạ tầng khai thác vận tải thủy từng bước được đầu tư với 03 khu cảng biển⁴ có khả năng tiếp nhận tàu khoảng 5.000T; 09 cảng thủy nội địa⁵, 548 bến thủy nội địa và 197 bến khách ngang sông, góp phần đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng

¹ QL.1, QL.53 (bao gồm QL.53 nối dài đường Phan Văn Đáng), QL.53B, QL.54, QL.57, QL.57B, QL.57C, QL.60, QL.80, với tổng chiều dài 704,01 km.

² Tổng chiều dài 798,29 km. Khu vực Vĩnh Long cũ gồm 10 tuyến (ĐT.901, ĐT.902, ĐT.903, ĐT.904, ĐT.905, ĐT.906, ĐT.907, ĐT.908, ĐT.909, ĐT.910); Khu vực Trà Vinh cũ gồm 14 tuyến (ĐT.911, ĐT.911B, ĐT.911C, ĐT.912, ĐT.912B, ĐT.912C, ĐT.913, ĐT.913B, ĐT.913C, ĐT.914, ĐT.914B, ĐT.914C, ĐT.915, ĐT.915B); Khu vực Bến Tre cũ gồm 05 tuyến (ĐT.881, ĐT.882, ĐT.883, ĐT.885, ĐT.886).

³ Gồm: sông Tiền, kênh Chệt Sậy - sông Bến Tre, sông Hàm Luông, rạch và kênh Mô Cày, kênh Chợ Lách, sông Cổ Chiên, sông Hậu, sông Măng Thít, các tuyến có cửa sông lớn đổ ra biển Đông gồm: cửa Đại, cửa Hàm Luông, cửa Ba Lai, cửa Cổ Chiên, cửa Định An.

⁴ Gồm: khu Bến cảng Tân cảng Giao Long thuộc cảng biển Bến Tre; Khu Bến cảng Vĩnh Long, Bến cảng Bình Minh, Bến cảng 620 Châu Thới thuộc Cảng biển Vĩnh Long; Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2, Bến cảng Trung tâm điện lực Duyên Hải thuộc cảng biển Trà Vinh.

⁵ gồm: Quốc Huy Anh, Mêkông (Toàn Quốc), An Phước, Mỹ An, Nhà máy Bê tông Hùng Vương, Quang Vinh, Tuấn Hiền, cảng hàng hóa Long Đức, cảng C.P số 1.

hóa, hành khách và phát huy lợi thế giao thông đường thủy của địa phương.

2. Công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị

a) Quy hoạch

- Trước ngày 01/7/2025, các địa phương thuộc tỉnh đều được lập quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định.

- Từ sau ngày 01/7/2025, tỉnh Vĩnh Long đã tiến hành rà soát và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 368/QĐ-UBND ngày 15/01/2026. Trên cơ sở Quy hoạch được duyệt, tỉnh Vĩnh Long đã ban hành danh mục dự án quy hoạch đô thị và nông thôn, đồng thời đã cho chủ trương tiến hành lập các quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh; các địa phương đang triển khai thực hiện.

b) Quản lý kiến trúc

Đến tháng 6/2025, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có 10/45 đô thị có quy chế quản lý kiến trúc đô thị được phê duyệt theo Luật Kiến trúc 2019 (*theo Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 có 29/45 đô thị có quy chế quản lý kiến trúc đô thị được phê duyệt*); 17/21 quy hoạch xây dựng vùng huyện, 45/45 đô thị đã có quy hoạch chung đô thị, 299/300 xã có quy hoạch chung và 151/300 xã có quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn, 116/300 xã có quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn được phê duyệt góp phần định hướng đầu tư phát triển đô thị, nông thôn, quản lý thu hút và triển khai đầu tư theo quy hoạch.

c) Phát triển đô thị

- Trước ngày 01/7/2025, tổng số đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận là 45 đô thị. Trong đó:

+ Khu vực Vĩnh Long (08 đô thị) gồm: Thành phố Vĩnh Long là đô thị loại II; Thị xã Bình Minh là đô thị loại III; Thị trấn Vũng Liêm là đô thị loại IV; 05 thị trấn (*Tân Quới, Cái Nhum, Long Hồ, Trà Ôn và Tam Bình*) là đô thị loại V.

+ Khu vực Bến Tre (24 đô thị) gồm: Thành phố Bến Tre đô thị loại II; 03 đô thị loại IV (*thị trấn mở rộng: Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày Nam*); 20 đô thị (*Giồng Trôm, Thạnh Phú, Châu Thành, Chợ Lách, Tiệm Tôm, Phước Mỹ Trung, Tiên Thủy và 13 đô thị được hình thành từ các xã*) là đô thị loại V.

+ Khu vực Trà Vinh (13 đô thị) gồm: Thành phố Trà Vinh mở rộng đạt đô thị loại II; Thị xã Duyên Hải và đô thị Tiểu Cần đô thị loại IV; 10 đô thị (*Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành, Cầu Quan, Trà Cú, Định An, Cầu Ngang, Mỹ Long, Long Thành và xã Tân An*) là đô thị loại V.

- Thực hiện Nghị quyết số 1687/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Vĩnh Long năm 2025, thì trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất 03 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh) có 124 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 105 xã và 19

phường. Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, hệ thống đô thị theo đề án điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt, thì giai đoạn đến năm 2030, toàn tỉnh có **45** đô thị, trong đó: **01** đô thị loại II cấp vùng (Vĩnh Long); **03** đô thị loại II cấp tỉnh (Bến Tre, Trà Vinh, Bình Minh); **01** đô thị loại III cấp tỉnh (Duyên Hải); **13** đô thị loại III cấp tỉnh – định hướng từ các xã lên phường giai đoạn 2025-2030 (gồm: Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày, Trung Thành (Vũng Liêm), Tiểu Cần, Trà Ôn, Long Hồ, Cái Nhum, Tam Bình, Tân Quới, Chợ Lách, Càng Long, Long Thành); **27** đô thị loại III cấp xã (Tân Hòa, Phước Mỹ Trung, Thạnh Phú, Phú Túc, Giồng Trôm, Tân Thủy (Tiệm Tôm), Châu Thành, Cầu Kè, Cầu Ngang, Mỹ Long, Đại An (Định An), Trà Cú, Phú Quới (phần đầu đạt đô thị loại III cấp xã), An Ngãi Trung, Tân Xuân, Mỹ Chánh, Lộc Thuận, Châu Hưng, Nhuận Phú Tân, Hương Mỹ, Giao Thạnh, Vĩnh Thành, Tiên Thủy, Quới Sơn, Tân Thạch, Mỹ Thạnh, Tân An).

3. Công tác quản lý đầu tư xây dựng

Công tác thẩm định dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; công báo giá vật liệu xây dựng; công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng; cấp giấy phép xây dựng... đã được phân cấp cho các cơ quan chuyên môn về xây dựng, địa phương (phường, xã) thực hiện kịp thời, đúng quy định.

4. Công tác giám định xây dựng

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong các giai đoạn thi công xây dựng được thực hiện thường xuyên trong các đợt thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Ban hành kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng khi nhận được thông báo khởi công và báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định.

- Thực hiện việc đánh giá thực tế phòng thí nghiệm phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động phòng thí nghiệm, cấp, sửa đổi, điều chỉnh thông tin giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác quản lý nhà ở và thị trường bất động sản

a) Về quản lý nhà ở

- UBND tỉnh đã trình và Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 10/9/2025 về quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; trên cơ sở Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù

phát triển nhà ở xã hội, Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, UBND tỉnh đã tổ chức lựa chọn và chấp thuận chủ trương, đồng thời giao chủ đầu tư 03 dự án. Theo đó, đến nay trên địa bàn tỉnh có 23 dự án đang triển khai thực hiện, gồm: 13 dự án⁶ nhà ở xã hội, với tổng quy mô 6.911 căn và 10 dự án⁷ nhà ở thương mại.

- Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long:

+ Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030: Đã lựa chọn được đơn vị tư vấn thực hiện gói thầu điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030. Hiện nay, tư vấn đang triển khai thực hiện gói thầu.

+ Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026-2030: Sở Xây dựng đang thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026-2030.

- Về thành lập Quỹ nhà ở địa phương theo quy định tại Nghị định số 302/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ⁸: Tỉnh Vĩnh Long đang thực hiện trình tự, thủ tục giao Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long thực hiện mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ nhà ở tỉnh Vĩnh Long.

b) Về lĩnh vực thị trường bất động sản

Định kỳ hàng quý thực hiện công bố thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng đảm bảo theo đúng quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các dự án kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời đối với những dự án đưa thông tin sai sự thật hoặc bán nhà ở khi chưa đủ điều kiện pháp lý theo quy định; đồng thời, yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đang hoạt động thực hiện nghiêm quy định của pháp luật trong kinh doanh và môi giới bất

⁶ - 08 dự án đang thi công, với quy mô 4.334 căn, đã hoàn thành 1.250 căn, đạt gần 52% chỉ tiêu năm 2025: (1) Khu tái định cư, dân cư và dịch vụ thương mại phường 4, thành phố Trà Vinh (Hoàng Quân) là 1.084 căn; (2) Khu công nghiệp Long Đức (Minh Anh) là 1.118 căn; (3) Nhà ở xã hội thuộc Dự án Khu nhà ở Sơn Đông (sử dụng phân quỹ đất 20% tổng diện tích đất ở thuộc phạm vi dự án đầu tư xây dựng Dự án Khu nhà ở Sơn Đông) là 240 căn; (4) Nhà ở xã hội trong Khu dân cư Phước Thọ 1 là 55 căn; (5) Nhà ở xã hội trong Khu dân cư Phước Thọ 2 là 308 căn; (6) Nhà ở xã hội thuộc thiết chế công đoàn KCN Giao Long là 700 căn; (7) Nhà ở xã hội Khu công nghiệp Bình Minh (khu CC1, CC3), thị xã Bình Minh là 373 căn (nay là phường Bình Minh); (8) Nhà ở xã hội tại Khu hành chính và dân cư phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long là 456 căn.

- 03 dự án đang hoàn thiện thủ tục đầu tư, với quy mô 1.810 căn: (1) Nhà ở thuộc thiết chế Công đoàn tỉnh khu vực Trà Vinh là 418 căn; (2) Khu nhà ở xã hội tại phường 4, thành phố Trà Vinh là 396 căn; (3) Nhà ở xã hội thuộc Dự án Khu đô thị Tây Nam, phường Trà Vinh là 996 căn (Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội sử dụng phân quỹ đất 20% tổng diện tích đất ở thuộc phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu đô thị dành để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội).

- 02 dự án mới chọn xong nhà đầu tư.

⁷ (1) Khu dân cư thuộc trung tâm chính trị - hành chính và dịch vụ thương mại, dân cư tỉnh Trà Vinh; (2) Khu dân cư thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần của Công ty Cổ phần May - Diêm Sài Gòn; (3) Khu đô thị Tây Nam, phường 7, thành phố Trà Vinh; (4) Khu dân cư Tấn Lộc Home; (5) Khu nhà ở chuyên gia, công nhân và TM-DV Bình Minh; (6) Chợ và nhà phố chợ thị xã Bình Minh; (7) Khu nhà ở Nam Việt; (8) Khu đô thị mới Đông Bắc phường Phú Khương, thành phố Bến Tre; (9) Đầu tư phát triển Khu đô thị mới Mỹ An, thành phố Bến Tre; (10) Đầu tư phát triển Khu đô thị mới Mỹ Hóa, thành phố Bến Tre.

⁸ Quy định chi tiết về Quỹ nhà ở quốc gia và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội

động sản.

6. Công tác quản lý phương tiện và vận tải

a) Vận tải đường bộ

Công tác quản lý phương tiện đường bộ được thực hiện chặt chẽ với tổng số 3.077.120 phương tiện cơ giới đang quản lý, gồm 106.329 ô tô và 2.970.791 mô tô; trong đó có 6.371 ô tô và 67.422 mô tô đăng ký mới. Hoạt động kinh doanh vận tải phát triển với 7.873 xe ô tô kinh doanh vận tải, với 294 đơn vị vận tải đang hoạt động. Mạng lưới vận tải hành khách được tổ chức với 250 tuyến cố định, bao gồm các tuyến xe buýt, nội tỉnh, liên tỉnh và 01 tuyến liên vận quốc tế Trà Vinh - Phnom Penh, góp phần đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương của người dân và doanh nghiệp.

b) Vận tải đường thủy

Tỉnh hiện quản lý 26.671 phương tiện⁹ thủy nội địa, trong đó phần lớn là tàu chở hàng khô, cùng với tàu chở khách và các phương tiện chuyên dùng như tàu hút, đặt cầu.

c) Đào tạo lái xe

Công tác đào tạo, sát hạch lái xe được triển khai tại 13 cơ sở đào tạo, bảo đảm đáp ứng nhu cầu đào tạo lái xe ô tô và mô tô phục vụ hoạt động giao thông vận tải. Hiện nay trên địa bàn chưa có cơ sở đào tạo lái tàu.

d) Công tác đăng kiểm

- Khu vực Vĩnh Long: Chi cục Đăng kiểm Vĩnh Long - Mã số: 64-01V. Địa chỉ: số 10/2, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Tân Hạnh, tỉnh Vĩnh Long.

- Khu vực Bến Tre: Công ty Cổ phần Đăng kiểm và Dịch vụ Giao thông - Mã số: 71-01D. Địa chỉ: số 7, đường Nguyễn Văn Tư, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long.

- Khu vực Trà Vinh: Chi nhánh Đăng kiểm Trà Vinh - Chi cục Đăng kiểm số 16 - Mã số: 84-01V. Địa chỉ: số 151 Nguyễn Đáng, phường Nguyệt Hóa, tỉnh Vĩnh Long.

7. Công tác ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt thuộc lĩnh vực xây dựng

a) Các văn bản đã ban hành

Tính đến cuối tháng 02/2026, trên địa bàn tỉnh đã ban hành 02 Nghị quyết và 20 Quyết định thuộc lĩnh vực xây dựng. Trong đó: Lĩnh vực quản lý nhà và thị trường bất động sản gồm 02 Nghị quyết và 03 Quyết định; Lĩnh vực Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị gồm 02 Quyết định; Lĩnh vực Quản lý đầu tư xây dựng gồm 06 Quyết định; Lĩnh vực Quản lý kết cấu hạ tầng gồm 07

⁹ Tàu chở hàng khô: 21.280 phương tiện; Tàu khách: 4.291 phương tiện; Tàu hút, đặt cầu: 1.100 phương tiện.

Quyết định; Lĩnh vực Giám định xây dựng gồm 01 Quyết định; Lĩnh vực pháp chế gồm 01 Quyết định.

b) Các văn bản đang thực hiện

Trong năm 2026, để tiếp tục cụ thể hoá các quy định phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tỉnh tiếp tục giao ngành xây dựng tham mưu xây dựng 22 văn bản (*gồm 01 Chương trình, 02 Nghị quyết, 19 Quyết định*); trong đó: Lĩnh vực quản lý nhà và thị trường bất động sản gồm 01 Nghị quyết và 07 Quyết định; Lĩnh vực Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị gồm 02 Quyết định và 01 Chương trình; Lĩnh vực Quản lý đầu tư xây dựng gồm 01 Quyết định; Lĩnh vực Quản lý kết cấu hạ tầng gồm 03 Quyết định; Lĩnh vực quản lý vận tải và an toàn gồm 01 Nghị quyết và 06 Quyết định.

Đồng thời, đối với các văn bản đã có chủ trương thực hiện trong năm 2025, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện hoàn thành trong năm 2026, cụ thể: Lĩnh vực Quản lý đầu tư xây dựng gồm 01 Quyết định; Lĩnh vực Quản lý kết cấu hạ tầng gồm 02 Quyết định.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

Hình thành mạng lưới giao thông đồng bộ, liên kết thông suốt với Thành phố Hồ Chí Minh và toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long và phù hợp với Quy hoạch chuyên ngành của Quốc gia và Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long sau điều chỉnh được duyệt. Tập trung, tranh thủ các nguồn vốn để sớm triển khai và hình thành các tuyến trục kết nối trung tâm tỉnh với các địa bàn sau sắp xếp đơn vị hành chính. Trong đó, cần tập trung đầu tư tuyến cao tốc CT.33 (Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng); tuyến cao tốc CT36¹⁰ (Hồng Ngự - Trà Vinh); Đường Võ Văn Kiệt kéo dài (kết nối cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ); tuyến đường bộ ven biển, cầu Cửa Đại, cầu Cổ Chiên 2; các tuyến quốc lộ QL.57, QL.57B, QL.57C, QL.60, QL.53, QL.53B, QL.54 và các tuyến đường tỉnh trọng yếu (trong đó ưu tiên đầu tư tuyến đường tỉnh kết nối nội tỉnh mới theo phương án điều chỉnh quy hoạch tỉnh); triển khai tuyến đường sắt tốc độ cao TP.HCM - Cần Thơ. Đầu tư các tuyến đường kết nối đến Khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm thu hút đầu tư, nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa, tạo điều kiện phát triển các dịch vụ logistics, thương mại. Phát triển hệ thống cảng biển, cảng sông theo quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh.

2. Phát triển nhà ở và thị trường bất động sản

- Phát triển nhà ở có giá phù hợp với khả năng chi trả của hộ gia đình có thu nhập trung bình, thu nhập thấp và của các đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở xã hội.

¹⁰ Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025 (Phụ lục I.5: Tiến trình đầu tư trước năm 2030).

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch để bố trí, quy hoạch bổ sung quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đồng bộ với các thiết chế công đoàn phục vụ nhu cầu nhà ở cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, trong đó ưu tiên phát triển nhà ở xã hội cho thuê, cho thuê mua.

- Phân đầu phát triển hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội¹¹ giai đoạn 2026-2030 được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026 về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026-2030, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

- Tăng cường thực hiện các giải pháp về quy hoạch và quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, cải cách thủ tục hành chính, ... nhằm phát triển hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2026-2030¹².

- Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị hình thành mới phải được quy hoạch, xây dựng theo hướng thông minh, nhà ở xanh, ứng dụng công nghệ số, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên phát triển nhà ở theo dự án phát triển đồng đều gắn với các vùng động lực đô thị - công nghiệp – dịch vụ trung tâm; vùng nông nghiệp công nghệ cao – nông nghiệp sinh thái, vùng ven biển và các hành lang kinh tế, đô thị bám theo các trục giao thông huyết mạch.

- Đầu tư xây dựng quỹ nhà ở xã hội cho thuê, phục vụ nhân lực và hỗ trợ tái định cư từ Quỹ nhà ở Quốc gia và nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn vốn hợp pháp khác.

- Phát triển thị trường bất động sản nhà ở bền vững, minh bạch dưới sự điều tiết, giám sát của Nhà nước, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; hạn chế tình trạng đầu cơ, lũng

¹¹ Để đạt chỉ tiêu giao, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội hàng năm và giai đoạn 2026-2030 được giao tại Nghị quyết số 7/NQ-CP ngày 12/01/2026 của Chính phủ; dự kiến ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội hàng năm và giai đoạn 2026-2030 trong tháng 3/2026.

¹² Về quy hoạch và quỹ đất phát triển nhà ở xã hội: (i) Rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu công nghiệp để bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội theo quy định, trong đó chú trọng dành diện tích đất ở trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại các đô thị loại III trở lên để phát triển nhà ở xã hội theo quy định; (ii) Lập, phê duyệt danh mục các khu đất đã được xác định để phát triển nhà ở xã hội; bố trí đủ quỹ đất tại các vị trí thuận lợi, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; thực hiện giao chủ đầu tư theo quy định của Nghị quyết số 201/2025/QH15; Đôn đốc các chủ đầu tư tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ các dự án đã khởi công; (iii) Tập trung khai thác có hiệu quả nguồn lực về đất đai để huy động các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở; tận dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên, địa hình để quy hoạch phát triển nhà ở, khu dân cư, khu đô thị mới với các loại hình nhà ở phù hợp.

Về Cải cách thủ tục hành chính: (i) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; đưa các dự án nhà ở xã hội vào nhóm “luồng xanh”, “luồng ưu tiên”; tổ chức thực hiện đồng thời, song song các thủ tục về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường; (ii) Rút ngắn tối đa thời gian thẩm định, phê duyệt dự án, giao đất, cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan, bảo đảm cắt giảm tối thiểu 50% thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với quy định hiện hành.

Về Cơ chế tài chính: (i) Chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch phục vụ phát triển nhà ở xã hội; (ii) Huy động mọi nguồn lực để phát triển nhà ở, trong đó tận dụng, khai thác tối đa nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nhằm phát triển nhà ở cho người có công với cách mạng và nhà ở xã hội. Ngoài ra, phát triển nhà ở từ các nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn từ doanh nghiệp, nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn tự có của người dân và các nguồn huy động khác.

phí tài nguyên đất trong phát triển nhà ở.

3. Công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị

a) Về quy hoạch đô thị và nông thôn

- Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình mới sau sáp nhập, đảm bảo đồng bộ, liên kết vùng, khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển đô thị - công nghiệp - dịch vụ.

- Tăng cường đẩy nhanh công tác tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với Quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh được phê duyệt, trong đó chú trọng khai thác tiềm năng lợi thế về hạ tầng giao thông, đặc biệt hạ tầng giao thông thuỷ (bến, cảng,...) và hệ thống giao thông kết nối đảm bảo tính đồng bộ.

- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch hiện hành về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với đơn vị hành chính mới sau sáp nhập¹³. Tham mưu đẩy nhanh tiến độ phân cấp, phân quyền liên quan đến thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn. Thẩm định hồ sơ các dự án đô thị theo quy định.

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và liên kết vùng trong các quy hoạch, kết nối hiệu quả với hệ thống hạ tầng vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tạo quỹ đất và không gian phát triển phù hợp, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư và bố trí lại không gian dân cư, sản xuất, dịch vụ. Ưu tiên nguồn lực đầu tư, phát triển các đô thị ven biển.

b) Về kiến trúc

Sở Xây dựng tiếp tục rà soát bổ sung lập, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị, Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo quy định; điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Về phát triển đô thị

- Xây dựng và ban hành Chương trình phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long theo Nghị quyết về phân loại đô thị¹⁴ và Quy hoạch tỉnh điều chỉnh¹⁵ được ban hành.

- Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị: Sở Xây dựng tiếp tục phối hợp với địa phương cùng các đơn vị liên quan tăng cường công tác tham mưu, phê duyệt các quy hoạch đô thị đồng bộ, hiện đại, có tính liên kết với giao thông, logistics; tham mưu trong công tác quản lý theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo không gian đô thị phát triển theo đúng quy hoạch.

¹³ Công văn số 2746/UBND-KTTH ngày 04/9/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc rà soát lập mới điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

¹⁴ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

¹⁵ Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 15/01/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 368/QĐ-UBND ngày 15/01/2026.

- Tăng tỷ lệ đô thị hóa thông qua nâng cấp các đô thị loại III theo lộ trình, kết hợp xây dựng các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế để tăng sức hút dân cư và doanh nghiệp.

- Từng bước nâng cấp phân loại đô thị theo lộ trình phù hợp với tiêu chí phân loại đô thị theo Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Quốc hội về phân loại đô thị; các văn bản được bộ, ngành Trung ương hướng dẫn.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại các đô thị, đặc biệt là ở các đô thị động lực và vùng tiếp giáp giữa nông thôn và đô thị.

4. Công tác quản lý phương tiện, vận tải và an toàn

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của hoạt động vận tải. Trong đó, tập trung đôn đốc các đơn vị vận tải thực hiện nghiêm Luật Đường bộ, Luật Trật tự ATGT đường bộ và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý vận tải để đảm bảo hoạt động vận tải thông suốt, lành mạnh, an toàn, thuận lợi, phục vụ kịp thời cho người dân, doanh nghiệp.

- Theo dõi chặt chẽ hoạt động của phương tiện qua thiết bị giám sát hành trình, tham mưu xử lý vi phạm theo quy định đối với các xe vi phạm về tốc độ, chạy sai hành trình; rà soát điều chỉnh, bổ sung các tuyến cố định, hoạt động của các phương tiện vận tải hành khách theo tuyến cố định tại các bến xe khách trên địa bàn; thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải đối với đơn vị ngừng hoạt động.

- Theo dõi chặt chẽ, hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải về việc điều chỉnh giá cước vận tải để phù hợp với thay đổi các yếu tố đầu vào, kiểm tra việc thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô, giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định đảm bảo quyền lợi của hành khách.

- Tăng cường quản lý, duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở đào tạo lái xe, cơ sở đăng kiểm phương tiện nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- Công bố hoạt động tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trên địa tỉnh Vĩnh Long đi Côn Đảo, phục vụ phát triển vận tải và du lịch.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị đầu tư phát triển hạ tầng

1.1. Các tuyến cao tốc

(i) Ưu tiên số 1 là đầu tư Tuyến cao tốc CT.33 (Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng): Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi đang đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công, phấn đấu hoàn thành vào cuối năm 2027 (hoặc đầu năm 2028). Khi dự án này hoàn thành, thì lưu lượng phương tiện trên QL.60 sẽ tăng lên rất nhanh, trong khi bề rộng mặt đường một số đoạn tuyến trên QL.60 không đảm bảo năng lực thông hành. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê

duyet điều chỉnh Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021, đối với tiến trình đầu tư Tuyến cao tốc CT.33, chiều dài dự kiến 150 km, quy mô 04 làn xe, đề nghị được thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 và kiến nghị ngân sách Trung ương phân bổ vốn để triển khai thực hiện dự án này.

Nội dung này, có trong Danh mục kèm theo Thông báo số 220-TB/VPTW ngày 09/6/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long và Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh.

(ii) Ưu tiên số 2 là đầu tư Tuyến cao tốc CT.36 (Hồng Ngự - Trà Vinh), theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025 (Phụ lục I.5: Tiến trình đầu tư trước năm 2030).

1.2. Tuyến đường sắt TP.HCM - Cần Thơ¹⁶

Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tham gia ý kiến đối với hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ đoạn qua địa phận tỉnh Vĩnh Long¹⁷ nhưng đến nay, dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư. Kiến nghị Bộ Xây dựng quan tâm chỉ đạo nghiên cứu để sớm triển khai dự án này.

1.3. Các dự án có ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng - Nhà nước

Ngày 10/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã gửi Bộ Xây dựng Tờ trình số 653/TTr-UBND về việc hỗ trợ vốn ngân sách Trung ương đầu tư các dự án giao thông trọng điểm, dự án kết nối có tác động liên vùng, các dự án có ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng - Nhà nước. Trong danh mục các dự án kèm theo Tờ trình nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Xây dựng quan tâm, hỗ trợ đầu tư các dự án trọng điểm, cấp bách **có trong Danh mục kèm theo Thông báo số 220-TB/VPTW ngày 09/6/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long và Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh, gồm:**

(i) Xây dựng cầu Cửa Đại và cầu Cổ Chiên 2 trên Tuyến đường bộ ven biển của tỉnh

Hiện nay, tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long mới gồm

¹⁶ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025, trong đó xác định mục tiêu (i) đến năm 2030 nghiên cứu để triển khai tuyến đường sắt TP.Hồ Chí Minh – Cần Thơ; (ii) hoàn thành xây dựng tuyến đường sắt TP.Hồ Chí Minh – Cần Thơ giai đoạn sau năm 2030. Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để thực hiện nghiên cứu, triển khai đầu tư xây dựng tuyến đường sắt TP.Hồ Chí Minh – Cần Thơ (Trích dẫn nội dung trong Báo cáo cuối kỳ, Bước Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi).

¹⁷ Văn bản số 195/UBND-KTNV ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long gửi Ban Quản lý dự án Đường sắt – Bộ Giao thông vận tải.

05 dự án thành phần¹⁸. Trong đó, dự án cầu Cửa Đại kết nối tỉnh Vĩnh Long với tỉnh Đồng Tháp (kết nối tỉnh Tiền Giang cũ với tỉnh Bến Tre cũ) và dự án cầu Cổ Chiên 2 (kết nối khu vực tỉnh Bến Tre cũ và tỉnh Trà Vinh cũ) chưa được phân bổ nguồn vốn đầu tư. Kiến nghị Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, chấp thuận phân bổ kinh phí từ ngân sách Trung ương cho tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn 2026 - 2030 để sớm triển khai đầu tư 02 dự án này (*cầu Cửa Đại dự kiến tổng mức đầu tư 4.565 tỷ đồng; cầu Cổ Chiên 2 dự kiến tổng mức đầu tư 3.500 tỷ đồng*), phần đầu hoàn thành trước năm 2030, theo nội dung tại Công điện số 131/CD-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

(ii) Nâng cấp QL.57 đoạn từ giao với đường vào cầu Đình Khao (Km11+270) đến giao điểm đầu QL.57B (Km20+300 của lý trình QL.57) và Nâng cấp, mở rộng QL.57B (đoạn từ giáp QL.57 đến giao ĐT.DK.08 và đoạn từ giao ĐT.DK.08 đến cuối tuyến) với chiều dài khoảng 94,6km, tổng mức đầu tư dự kiến 11.276 tỷ đồng¹⁹. Kiến nghị Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, chấp thuận phân bổ kinh phí từ ngân sách Trung ương cho tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn 2026-2030 để triển khai thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030, nhằm sớm hình thành thêm trục đường ngắn nhất kết nối từ Trung tâm Hành chính tỉnh Vĩnh Long (mới) với Thành phố Hồ Chí Minh, tạo điều kiện thuận lợi trong lưu thông hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long và khu vực, theo hướng lưu thông qua cầu Đình Khao trên QL.57 đến cầu Rạch Miễu 2, cầu Rạch Miễu 1 trên QL.60 đi Thành phố Hồ Chí Minh (và ngược lại). Đồng thời, nhằm tăng khả năng thông hành trên QL.57B, phục vụ phát triển khu, cụm công nghiệp, phát triển về hướng Đông và kết nối với Tuyến đường bộ ven biển của tỉnh.

(iii) Nâng cấp, mở rộng QL.60 (đoạn từ giáp đường dẫn vào cầu Hàm Luông đến giáp đường dẫn vào cầu Đại Ngãi) với chiều dài khoảng 40,42km đạt tiêu chuẩn cấp III, tổng mức đầu tư dự kiến 5.881 tỷ đồng²⁰ (từ nguồn vốn do Bộ Xây dựng quản lý), để đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, việc vận chuyển, giao lưu hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng sau khi cầu Đại Ngãi hoàn thành, đưa vào khai thác.

¹⁸ Dự án cầu Cửa Đại kết nối tỉnh Vĩnh Long với tỉnh Đồng Tháp (kết nối tỉnh Tiền Giang cũ với tỉnh Bến Tre cũ); Dự án cầu Ba Lai 8; Dự án xây dựng tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang và tỉnh Trà Vinh thuộc Chương trình DPO; Dự án cầu Cổ Chiên 2 (Kết nối khu vực tỉnh Bến Tre cũ và tỉnh Trà Vinh cũ); Tuyến hành lang ven biển (khu vực tỉnh Trà Vinh cũ) thuộc Chương trình DPO.

¹⁹ Mục tiêu: Triển khai và hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030 nhằm sớm hình thành thêm trục đường kết nối từ Trung tâm Hành chính tỉnh Vĩnh Long (mới) với Thành phố Hồ Chí Minh, tạo điều kiện thuận lợi trong lưu thông hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long mới, theo hướng lưu thông qua cầu Đình Khao đến cầu Rạch Miễu 2, cầu Rạch Miễu đi Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, nhằm tăng khả năng thông hành trên QL.57B, phục vụ phát triển khu, cụm công nghiệp, phát triển về hướng Đông và kết nối với Tuyến đường bộ ven biển của tỉnh.

²⁰ Việc nâng cấp, mở rộng đoạn tuyến này vừa góp phần khai thông và nâng cao năng lực thông hành toàn bộ tuyến Quốc lộ 60, giảm tải cho tuyến QL.1 và rút ngắn hành trình từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Cà Mau, vừa tạo điều kiện thúc đẩy phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long,....

1.4. Nâng cấp, mở rộng QL.53

Kiến nghị Bộ Xây dựng chỉ đạo Cục Đường bộ Việt Nam đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng QL.53²¹ (Đoạn Long Hồ - Ba Si, từ Km11+295 đến Km56+180) và cầu Ngã Tư (Km7+820 đến Km8+730), để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông từ Trà Vinh đến trung tâm hành chính tỉnh Vĩnh Long và ngược lại.

1.5. Nâng cấp, mở rộng QL.54

QL.54 đoạn qua tỉnh Vĩnh Long có chiều dài 148,9 km, chỉ mới đạt cấp V-IV đồng bằng $B_m/B_n = (5-7)m / (6,5-9)m$. Việc cải tạo, nâng cấp tuyến QL.54 đạt chuẩn đường cấp III đồng bằng, để kết nối, hoàn thiện hệ thống giao thông giữa tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp, đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng cao; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường liên kết vùng là rất cần thiết. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long kiến nghị Bộ Xây dựng quan tâm, hỗ trợ trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, bố trí vốn ngân sách Trung ương (nguồn vốn do Bộ Xây dựng quản lý) để đầu tư nâng cấp, mở rộng QL.54 đoạn qua tỉnh Vĩnh Long, tổng mức đầu tư dự kiến 5.937 tỷ đồng.

1.6. Kênh Quan Chánh Bó

Kiến nghị Bộ Xây dựng hỗ trợ trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, bố trí vốn ngân sách Trung ương đầu tư hoàn chỉnh kè bảo vệ bờ kênh Quan Chánh Bó (ưu tiên các đoạn sạt lở nghiêm trọng) dài khoảng 18 km²². Việc đầu tư hoàn chỉnh khu vực này sẽ làm tăng hiệu quả khai thác, gắn kết mục tiêu phát triển kinh tế với an sinh xã hội và phòng chống thiên tai.

1.7. Đầu tư bổ sung cầu vượt tại nút giao với QL.60 (cầu Rạch Miễu 2)

Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, sớm chấp thuận chủ trương lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cầu vượt nút giao QL.60 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long vào dự án ĐTXD công trình cầu Rạch Miễu 2. Nội dung này, Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận đã có văn bản số 458/PMUMT-ĐHDA5 ngày 13/02/2026 gửi Bộ Xây dựng về việc Báo cáo đề xuất nghiên cứu phương án đầu tư bổ sung cầu vượt nút giao QL.1 và QL.60 – Dự án ĐTXD công trình cầu Rạch Miễu 2.

1.8. Cụm phà Vàm Cống

Bộ Nội vụ đã có văn bản số 1706/BNV-TCBC ngày 27/02/2026 về việc thẩm định hồ sơ chuyển giao Cụm phà Vàm Cống thuộc Cụm phà Vàm Cống thuộc Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quản lý. Kiến nghị Bộ Xây dựng sớm rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình Chính

²¹ Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án 03 tuyến Quốc lộ (53, 62, 91B) kết nối vùng, thích ứng biến đổi khí hậu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới; Công văn số 8518/UBND-KTTH ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ý kiến hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án 03 tuyến Quốc lộ (53, 62, 91B) kết nối vùng, thích ứng biến đổi khí hậu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới.

²² Tình trạng sạt lở, sa bồi cục bộ xảy ra làm ảnh hưởng đến ổn định hình học tuyến luồng, làm gia tăng chi phí nạo vét duy tu và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho dân cư ven tuyến.

phủ xem xét, quyết định chuyển giao nguyên trạng cụm phà Vàm Cống (Đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quản lý.

1.9. Đầu tư xây dựng cầu Thom²³

Thời gian qua, Bộ Xây dựng đã quan tâm, hỗ trợ đầu tư xây dựng hoàn thành cầu Mỏ Cày và đã đưa vào khai thác đầu năm 2026. Để đảm bảo đồng bộ tỉnh không cho tuyến sông Mỏ Cày, kiến nghị Bộ Xây dựng chấp thuận đưa công trình đầu tư xây dựng cầu Thom²⁴ bắc ngang sông Mỏ Cày, nối xã Mỏ Cày và Nhuận Phú Tân vào dự án thành phần “Nâng cao tỉnh không các cầu đường bộ trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia - Giai đoạn 2 (khu vực phía Nam)” thuộc dự án Đầu tư các công trình bảo đảm an toàn, nâng cao hiệu quả khai thác các tuyến luồng hàng hải và đường thủy phía Nam²⁵.

1.10. Đầu tư bổ sung đường dân sinh tiếp giáp nhánh N3 thuộc nút giao QL.80 (dự án đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, giai đoạn 1)

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp và đi lại của các hộ dân bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, giai đoạn 1; Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng của tỉnh Vĩnh Long (do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập) đã kiến nghị bổ sung đoạn đường dân sinh (dài khoảng 500m) tiếp giáp nhánh N3 thuộc nút giao Quốc lộ 80 vào phạm vi Dự án. Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận đã có văn bản thống nhất²⁶ bổ sung đoạn đường dân sinh này vào Gói thầu XL01 của Dự án. Tuy nhiên, đến nay đoạn đường dân sinh nêu trên vẫn chưa thực hiện, trong khi việc đi lại của người dân khu vực còn nhiều khó khăn và cử tri đã nhiều lần phản ánh, kiến nghị.

Vì vậy, tỉnh Vĩnh Long kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, chỉ đạo Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận sớm hoàn thiện thủ tục và triển khai thi công đoạn đường dân sinh nêu trên, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại và nguyện vọng chính đáng của người dân, cử tri trên địa bàn.

2. Kiến nghị hướng dẫn/ban hành cơ chế, chính sách

2.1. Kiến nghị Bộ Xây dựng sớm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

²³ Cầu Thom được xây dựng và đưa vào khai thác từ năm 2008, qua nhiều lần sửa chữa, trình trạng đang xuống cấp, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy và đường bộ, không đáp ứng được vận chuyển hàng hoá cũng như đi lại của người dân hai xã và trong khu vực. Cầu Thom nằm trên tuyến đường chính vào làng nghề sản xuất chỉ sớ dừa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (trước đây) công nhận là làng nghề thủ công nghiệp, đến năm 2008 được Hiệp hội làng nghề Việt Nam công nhận là làng nghề tiêu biểu.

²⁴ Công văn số 194/UBND-KTN ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc kiến nghị đầu tư xây dựng cầu Thom.

²⁵ Quyết định số 129/QĐ-BXD ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án Hàng hải và Đường thủy tổ chức lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án dự kiến trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

²⁶ Công văn số 4591/PMUMT-ĐHDA4 ngày 30/12/2023 của Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận về việc bổ sung đường dân sinh tiếp giáp nhánh N3 thuộc nút giao QL 80 thuộc Gói thầu XL01 - Dự án Đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, giai đoạn 1.

về Quy hoạch đô thị và nông thôn (thay thế QCVN 01:2021/BXD)²⁷ để tổ chức thực hiện.

2.2. Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội đến năm 2030 của tỉnh Vĩnh Long sau sắp xếp giảm 15.000 căn, từ 38.500 căn xuống còn 23.500 căn²⁸.

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long kính báo cáo và rất mong được Bộ trưởng Bộ Xây dựng quan tâm, hỗ trợ.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 227/BC-UBND ngày 06/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về tình hình, kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long./.

Nơi nhận:

- Đoàn công tác Bộ Xây dựng;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- TT Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, TC, NN-MT;
- Ban QLDA GT tỉnh;
- Ban Quản lý DD và CN tỉnh;
- Phòng KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang

²⁷ Thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Vĩnh Long mới sau khi hợp nhất; theo đó để đáp ứng yêu cầu phát sinh trong quá trình quản lý quy hoạch tại địa phương, đảm bảo phù hợp với các quy định Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan, hiện nay địa phương đang rà soát, tiến hành lập điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai địa phương gặp khó khăn, cụ thể: bước lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị, các cơ sở căn cứ pháp lý liên quan đến Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch đô thị và nông thôn (QCVN 01:2021/BXD) hiện không còn phù hợp do hiện hệ thống đô thị đã có nhiều thay đổi lớn theo hướng không còn đô thị loại IV, V. Do đó, cần phải ban hành quy chuẩn mới thay thế quy chuẩn cũ nhằm tạo điều kiện cho địa phương chủ động sớm hoàn thành nhiệm vụ.

²⁸ Qua đánh giá công tác đầu tư phát triển đô thị, phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế của khu vực Trà Vinh cũ thực tế còn chậm hơn nhiều so với kế hoạch, chương trình phát triển nhà ở trước đây. Với tốc độ đầu tư như hiện nay, cùng với việc thay đổi trung tâm hành chính đặt tại khu vực Vĩnh Long, dự báo nhu cầu về nhà ở xã hội thời gian tới của khu vực Trà Vinh cũ sẽ giảm ít nhất khoảng 15.000 căn so với tính toán trước đây, cụ thể: (i) Về nhà ở công nhân khu công nghiệp: Tính toán nhu cầu đến năm 2030 giảm khoảng 9.000 căn, trên cơ sở đánh giá tiến độ triển khai, khả năng hoàn thành đầu tư và công nhân lấp đầy từng giai đoạn của 04 khu công nghiệp (Long Đức, Cổ Chiên, Cầu Quan, Ngũ Lạc) và Khu kinh tế Định An; (ii) Về nhà ở cho người thu nhập thấp: Tính toán nhu cầu đến năm 2030 giảm khoảng 6.000 căn trên cơ sở đánh giá tốc độ phát triển hạ tầng, tỷ lệ đô thị hóa tại các khu vực trước đây dự kiến mở rộng, nâng cấp đô thị.